

X, Y lần lượt là

- A. $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$, CH_3CHO **B. CH_3OH , HCHO** C. $\text{C}_2\text{H}_4(\text{OH})_2$, OHC-CHO D. CH_4 , C_2H_2

Câu 98 : Một ancol X có CT đơn giản nhất là CH_3O . CTPT của X là

- A. CH_3O **B. $\text{C}_2\text{H}_6\text{O}_2$** C. $\text{C}_3\text{H}_8\text{O}_3$ D. $\text{C}_4\text{H}_{12}\text{O}_4$

Câu 99 : Đốt cháy hoàn toàn một loại ancol mạch hở X thu được $n_{\text{CO}_2} = n_{\text{H}_2\text{O}}$. Ancol mạch hở đó có thể thuộc dãy đồng đẳng

- A. Ancol no đơn chức. **B. Ancol no.**
C. Ancol đơn chức chưa no có một liên kết đôi **D. Ancol chưa no có một liên kết đôi.**

Câu 100: Đốt cháy hoàn toàn một ancol X thu được số mol nước gấp đôi số mol CO_2 . X là

- A. Ancol no đơn chức mạch hở. B. Ancol đa chức mạch hở. **C. CH_3OH** D. Không xác định.

Câu 101 : Đốt cháy hoàn toàn a mol ancol no X thu được 2a mol nước. X là

- A. Ancol no đơn chức mạch hở. B. $\text{C}_3\text{H}_7\text{OH}$ C. $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$ **D. CH_3OH**

Câu 102 : Đốt cháy hoàn toàn một thể tích hơi ancol X sinh ra ba thể tích hỗn hợp CO_2 và nước (các khí đo cùng điều kiện). X là

- A. CH_3OH** B. $\text{C}_3\text{H}_5\text{OH}$ C. Ancol đơn chức. D. Ancol no mạch hở.

Câu 103 : Đốt cháy hoàn toàn một thể tích hơi ancol đơn chức X cần ba thể tích khí oxi cùng điều kiện. Ancol X là

- A. Ancol no đơn chức mạch hở. B. CH_3OH **C. $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$** D. $\text{C}_3\text{H}_5\text{OH}$

Câu 104 : Đốt cháy hoàn toàn 1 mol ancol no mạch hở X cần 2,5 mol O_2 . CTPT của X là

- A. $\text{C}_2\text{H}_6\text{O}_2$** B. $\text{C}_3\text{H}_8\text{O}_3$ C. $\text{C}_2\text{H}_6\text{O}$ D. $\text{C}_2\text{H}_4\text{O}_2$

Câu 105 : Đốt cháy hoàn toàn một ancol X sinh ra CO_2 và nước có tỉ lệ mol là $n_{\text{CO}_2} : n_{\text{H}_2\text{O}} = 3 : 4$. Mặt khác khi cho 0,1 mol ancol X tác dụng với natri dư sinh ra 3,36 lít khí hiđrô (đkc). CT của X là

- A. $\text{C}_3\text{H}_5(\text{OH})_3$** B. $\text{C}_3\text{H}_5\text{OH}$ C. $\text{C}_2\text{H}_4(\text{OH})_2$ D. $\text{C}_3\text{H}_7\text{OH}$

Câu 106 : Đốt cháy hoàn toàn 0,2 mol hỗn hợp gồm ancol đơn chức no và ancol đơn chức chưa no chứa một nối đôi đều mạch hở thu được 0,4 mol CO_2 và 0,5 mol nước. CTPT của hai ancol này là

- A. CH_3OH và $\text{C}_3\text{H}_5\text{OH}$** B. $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$ và $\text{C}_4\text{H}_7\text{OH}$ C. $\text{C}_3\text{H}_7\text{OH}$ và $\text{C}_5\text{H}_9\text{OH}$ D. $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$ và $\text{C}_3\text{H}_5\text{OH}$

Câu 107 : Chia hỗn hợp X gồm hai ancol no đơn chức mạch hở thành hai phần bằng nhau:

Phần 1: Đốt cháy hoàn toàn thu được 0,2 mol CO_2 .

Phần 2: Sau khi bị hiđrat hóa hoàn toàn thu được hỗn hợp Y gồm hai anken. Đốt cháy hoàn toàn hai anken này thu được m gam nước. Giá trị m là

- A. 1,8 gam **B. 3,6 gam** C. 2,7 gam D. 4,5 gam.

Câu 108: Dãy nào gồm các công thức ancol đã viết không đúng ?

- A. $\text{C}_n\text{H}_{2n+1}\text{OH}$; $\text{C}_3\text{H}_6(\text{OH})_2$; $\text{C}_n\text{H}_{2n+2}\text{O}$ **B. $\text{C}_n\text{H}_{2n}\text{OH}$; $\text{CH}_3\text{-CH}(\text{OH})_2$**
C. $\text{C}_n\text{H}_{2n}\text{O}$; $\text{HO-CH}_2\text{-CH}_2\text{-OH}$ D. $\text{C}_3\text{H}_5(\text{OH})_3$; $\text{C}_n\text{H}_{2n-1}\text{OH}$; $\text{C}_n\text{H}_{2n+2}\text{O}$

Câu 109 : Trong dãy đồng đẳng của ancol đơn chức no, khi mạch cacbon tăng thì:

- A. Nhiệt độ sôi tăng, độ tan trong nước giảm** B. Nhiệt độ sôi tăng, độ tan trong nước tăng
C. Nhiệt độ sôi giảm, độ tan trong nước tăng D. Nhiệt độ sôi giảm, độ tan trong nước giảm

Câu 110: Đun nóng từ từ hỗn hợp etanol và propan-2-ol với xúc tác H_2SO_4 đậm đặc có thể thu được tối đa bao nhiêu sản phẩm hữu cơ trong phân tử chứa 3 nguyên tố C, H, O ?

- A. 2 **B. 3** C. 4 D. 5

Câu 111 : X là ancol mạch hở có chứa một liên kết đôi trong phân tử. Khối lượng phân tử của X nhỏ hơn 58 đvC. Công thức phân tử của X là

- A. $\text{C}_2\text{H}_4\text{O}$ B. $\text{C}_2\text{H}_4(\text{OH})_2$ **C. $\text{C}_3\text{H}_6\text{O}$** D. $\text{C}_3\text{H}_6(\text{OH})_2$

Câu 112 : Đun nóng 132,8g hỗn hợp ancol đơn chức với H_2SO_4 đặc ở 140°C thu được 111,2g hỗn hợp 6 ete có số mol bằng nhau. Số mol mỗi ete là

- A. 0,4 mol **B. 0,2mol** C. 0,8mol D. 0,5

Câu 113 : Lên men 0,5 lít rượu etylic 8° . Tính khối lượng axit axetic thu được biết hiệu suất lên men là 80% và khối lượng riêng của rượu nguyên chất là 0,8g/ml.

- A. 41,7g** B. 35,6g C. 33,4g D. 29,2g

Câu 114 : Cho 15,6 gam hỗn hợp 2 ancol đơn chức, kế tiếp nhau trong dãy tác dụng hết với 9,2g Na thu được 24,5g chất rắn. Hai ancol đó là (Khối A 2007)

- A. $\text{C}_3\text{H}_5\text{OH}$ và $\text{C}_4\text{H}_7\text{OH}$ **B. $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$ và $\text{C}_3\text{H}_7\text{OH}$** C. $\text{C}_3\text{H}_7\text{OH}$ và $\text{C}_4\text{H}_9\text{OH}$ D. CH_3OH và $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$

Câu 115 : Cho hỗn hợp gồm không khí(dư) và hơi của 24g metanol đi qua chất xúc tác Cu nung nóng, người ta thu được 40ml fomalin 36% có $d = 1,1\text{g/ml}$. Hiệu suất của quá trình lên men là

- A. 80,4% **B. 70,4%** C. 65,5% D. 76,6%

Câu 116 : Oxi hóa 4g ancol đơn chức A bằng O_2 (có mặt xúc tác) thu được 5,6g hỗn hợp B gồm andehit, ancol dư và nước. Tên của A và hiệu suất phản ứng là

- A. metanol; 75% B. etanol; 75% C. propan-1-ol; 80% **D. metanol; 80%**

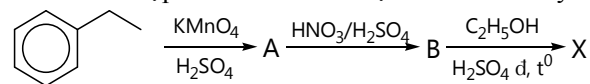
Câu 117 : Cho 21,2 g hỗn hợp gồm glixerol và ancol propylic tác dụng với Na dư thì thu được 5,6 lít khí (đktc). Nếu cũng cho hỗn hợp trên tác dụng với $\text{Cu}(\text{OH})_2$ thì có bao nhiêu gam $\text{Cu}(\text{OH})_2$ bị hòa tan?

- A. 4,9g B. 9,8g C. 19,6g D. 7,35g

Câu 118 : Cho m gam tinh bột lên men thành ancol etylic với $\text{H}=81\%$. Toàn bộ lượng CO_2 sinh ra được hấp thụ hoàn toàn vào dung dịch $\text{Ca}(\text{OH})_2$ thu được 550g kết tủa và dung dịch X. Đun kĩ dung dịch X thu được thêm 100g kết tủa. Giá trị m là

- A. 550g B. 810g C. 750g D. 650g

Câu 119 : Hợp chất hữu cơ X được điều chế từ etylbenzen theo sơ đồ:



A. Đồng phân p- của $\text{O}_2\text{N}-\text{C}_6\text{H}_4-\text{COOC}_2\text{H}_5$ B. Hỗn hợp đồng phân o- và p- của $\text{O}_2\text{N}-\text{C}_6\text{H}_4-\text{COOC}_2\text{H}_5$

C. Đồng phân m- của $\text{O}_2\text{N}-\text{C}_6\text{H}_4-\text{COOC}_2\text{H}_5$ D. Đồng phân o- của $\text{O}_2\text{N}-\text{C}_6\text{H}_4-\text{COOC}_2\text{H}_5$

Câu 120 : Trong sản xuất, để điều chế rượu vang, người ta lên men glucozo có trong nước quả nho. Phản ứng lên men glucozo để điều chế rượu etylic đạt hiệu suất 90%. Biết rượu etylic nguyên chất có khối lượng riêng 0,80g/ml. Khối lượng glucozo cần để điều chế 100 lít rượu vang 9,2⁰ là

- A. 16,00 kg. B. 1,600 kg. C. 14,40 kg. D. 1,440 kg.

Câu 121 : X, Y là 2 ancol no, đơn chức, mạch hở kế tiếp nhau trong dãy đồng đẳng. Cho hỗn hợp gồm 1,6 gam X và 2,3 gam Y tác dụng hết với Na thu được 1,12 lít H_2 ở đktc. X, Y có công thức phân tử lần lượt là

A. CH_3OH và $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$. B. $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$ và $\text{C}_3\text{H}_7\text{OH}$. C. $\text{C}_3\text{H}_7\text{OH}$ và $\text{C}_4\text{H}_9\text{OH}$ D. $\text{C}_4\text{H}_9\text{OH}$ và $\text{C}_5\text{H}_{11}\text{OH}$.

Câu 122 : Đun nóng từ từ hỗn hợp etanol và propan-2-ol với xúc tác H_2SO_4 đậm đặc, có thể thu được tối đa bao nhiêu sản phẩm hữu cơ chỉ chứa tối đa ba nguyên tố C, H, O ?

- A. 5 B. 3 C. 4 D. 2

Câu 123 : Một ankanol A có 60% cacbon theo khối lượng trong phân tử. Nếu cho 18 gam A tác dụng hết với Na thì thể tích khí hydro thoát ra (ở điều kiện tiêu chuẩn) là

- A. 2,24 lít. B. 3,36 lít. C. 4,48 lít. D. 1,12 lít.

Câu 124 : X là ancol bậc II, công thức phân tử $\text{C}_6\text{H}_{14}\text{O}$. Đun X với H_2SO_4 đặc ở 170⁰C chỉ tạo một anken duy nhất. Tên của X là

- A. 1,2,3 -Trimetyl propan-1-ol. B. 2,2 -Đi metyl butan-3-ol.
C. 3,3 -Đi metyl butan-2-ol. D. 2,3 - Đì metyl butan-3-ol.

Câu 125 : Tách nước hoàn toàn hỗn hợp X ta thu được hỗn hợp Y gồm các olefin. Nếu đốt cháy hoàn toàn X để thu được 1,76 gam CO_2 thì khi đốt cháy hoàn toàn Y, tổng khối lượng H_2O và CO_2 tạo ra là

- A. 2,76g B. 2,94g C. 2,48g D. 1,76g

Câu 126 : Cho dãy chuyển hoá: $\text{A}_1 \rightarrow \text{A}_2 \rightarrow \text{A}_3 \rightarrow \text{C}_3\text{H}_7\text{OH}$ (mạch thẳng). Biết A_2 , A_3 đều là sản phẩm chính của các phản ứng. Công thức cấu tạo của A_1 , A_2 , A_3 lần lượt là

- A. $\text{CH}\equiv\text{C}-\text{CH}_3$; $\text{CH}_3-\text{CH}_2-\text{CH}_3$; $\text{CH}_2=\text{CH}-\text{CH}_3$. B. $\text{CH}_2=\text{CH}-\text{CH}_3$; $\text{CH}\equiv\text{C}-\text{CH}_3$; $\text{CH}_3-\text{CH}_2-\text{CHO}$.
C. $\text{CH}_3-\text{CH}_2-\text{CH}_3$; $\text{CH}_2=\text{CH}-\text{CH}_3$; $\text{CH}_2=\text{CH}-\text{CH}_2\text{Cl}$. D. $\text{CH}_2=\text{CH}-\text{CH}_3$; $\text{CH}_2=\text{CH}-\text{CH}_2\text{Cl}$; $\text{CH}_2=\text{CH}-\text{CH}_2\text{OH}$.

Câu 127 : Chia hỗn hợp X gồm hai ancol no đơn chức mạch hở thành 2 phần bằng nhau. Đốt cháy hết phần 1 thu được 5,6 lít CO_2 (đktc) và 6,3 g nước. Phần 2 tác dụng hết với Na thì thấy thoát ra V lít khí (đkc). Giá trị V là

- A. 0,56 lít. B. 1,12 lít. C. 2,24 lít. D. 1,68 lít.

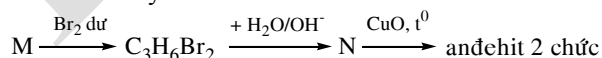
Câu 128 : Khi điều chế C_2H_4 từ $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$ và H_2SO_4 đặc ở 170⁰C thì khí sinh ra có lẫn SO_2 . Để thu được C_2H_4 tinh khiết có thể loại bỏ SO_2 bằng

- A. dung dịch KOH. B. dung dịch KMnO_4 . C. dung dịch K_2CO_3 . D. dung dịch Br_2 .

Câu 129 : Theo danh pháp IUPAC, ancol nào sau đây đã đọc tên sai

- A. 3-metyl pentan-2-ol $\text{CH}_3-\text{CH}_2-\text{CH}(\text{CH}_3)-\text{CH}(\text{OH})-\text{CH}_3$.
B. 4,4-đimetyl pentan-2-ol $\text{CH}_3-\text{C}(\text{CH}_3)_2-\text{CH}(\text{OH})-\text{CH}_3$.
C. 2-metyl hexan-1-ol $\text{CH}_3-\text{CH}_2-\text{CH}_2-\text{CH}_2-\text{CH}(\text{CH}_3)-\text{CH}_2-\text{OH}$.
D. 3-etyl butan-2-ol $\text{CH}_3-\text{CH}(\text{C}_2\text{H}_5)-\text{CH}(\text{OH})-\text{CH}_3$.

Câu 130: Cho sơ đồ chuyển hoá sau:



Kết luận nào sau đây đúng?

- A. M là xyclopropan và N là $\text{CH}_2(\text{OH})\text{CH}_2\text{CH}_2(\text{OH})$ B. M là C_3H_8 , N là glixerol $\text{C}_3\text{H}_5(\text{OH})_3$
C. M là C_3H_6 và N là $\text{CH}_3\text{CH}(\text{OH})\text{CH}_2(\text{OH})$ D. M là C_3H_6 và N là $\text{CH}_2(\text{OH})\text{CH}_2\text{CH}_2(\text{OH})$

Câu 131 : Chất hữu cơ X mạch hở, có công thức phân tử $\text{C}_4\text{H}_8\text{O}$. X tác dụng được với Na giải phóng hidro. X làm mất màu dung dịch brom. Tên của X bắt đầu bằng chữ trans. Công thức cấu tạo của X là

- A. $\text{CH}_3-\text{CH}_2-\text{CH}=\text{CHOH}$. B. $\text{CH}_3-\text{CH}(\text{CH}_3)\text{CH}_2\text{OH}$. C. $\text{CH}_3-\text{CH}=\text{CH}-\text{CH}_2\text{OH}$. D. $\text{CH}_2=\text{CH}-\text{CH}_2-\text{CH}_2\text{OH}$.

Câu 132 : Cho các chất $\text{C}_2\text{H}_5\text{Cl}$ (I); $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$ (II); CH_3COOH (III); $\text{CH}_3\text{COOC}_2\text{H}_5$ (IV). Trật tự tăng dần nhiệt độ sôi các (trái sang phải) như sau:

- A. (I), (IV), (II), (III). B. (I), (II), (III), (IV). C. (II), (I), (III), (IV). D. (IV), (I), (II), (III).

Câu 133 : Đề hidrat hoá ancol bậc hai M thu được olefin. Cho 3 gam M tác dụng với Na dư thu được 0,56 lít H_2 (đktc). Đun nóng M với H_2SO_4 đặc ở 130⁰C thì sản phẩm tạo thành là

A. buten-2. B. propen. C. **Đisopropyl ete.** D. Đisec-butyl ete.

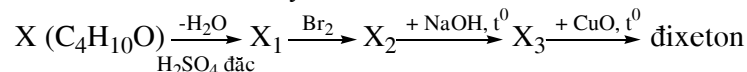
Câu 134 : Đốt cháy hoàn toàn 1,80g một hợp chất hữu cơ X thu được 3,96g CO₂ và 2,16g H₂O. Tỷ khối hơi của X so với không khí bằng 2,069. X tác dụng được với Na, bị oxi hoá bởi oxi khi có Cu xúc tác tạo ra andehit. CTCT của X là

A. **C₃H₇OH.** B. C₃H₅OH C. Iso-C₃H₇OH. D. C₃H₈O₂.

Câu 135 : Đốt cháy một ete E đơn chức thu được khí CO₂ và hơi nước theo tỷ lệ số mol n(CO₂) : n(H₂O) = 5 : 6. E là ete tạo ra từ:

A. **Ancol etylic và ancol isopropylic.** B. Ancol metylic và ancol etylic.
C. Ancol etylic. D. Ancol metylic và ancol isopropylic.

Câu 136 : Cho sơ đồ chuyển hoá:



Công thức cấu tạo của X có thể là công thức nào?

A. CH₂(OH)CH₂CH₂CH₃ B. **CH₃CH(OH)CH₂CH₃** C. CH₃CH(CH₃)CH₂OH D. CH₃C(CH₃)₂OH

Câu 137 : Cho dãy chuyển hoá: A $\xrightarrow{Cl_2, as}$ B $\xrightarrow{NaOH, t^0}$ C₂H₅OH

Công thức cấu tạo của A, B lần lượt là

A. C₂H₆; C₂H₄. B. C₂H₂; CH₃CHO. C. **C₂H₆; C₂H₅Cl.** D. C₂H₄; C₂H₅Cl.

Câu 138 : Ancol etylic không thể điều chế trực tiếp bằng một phản ứng từ:

A. Dung dịch glucozơ. B. Etylen. C. Etanal. D. **Metan.**

Câu 139 : Cho các chất CH₄ (I); C₂H₂ (II); HCHO (III); CH₂Cl₂ (IV); CH₃Cl (V); HCOOCH₃ (VI). Chất có thể trực tiếp điều chế metanol là

A. (II), (III), (VI). B. **(I), (III), (V), (VI).** C. (II), (III), (V), (VI). D. (I), (III), (IV), (V).

Câu 140 : Đun 5,75g etanol với H₂SO₄ dung dịch ở 170⁰C. Dẫn các sản phẩm khí và hơi lần lượt đi qua các bình chứa riêng rẽ: CuSO₄ khan; NaOH đ; dung dịch (dur) brom trong CCl₄. Sau thí nghiệm khối lượng bình cuối cùng tăng thêm 2,1g. Hiệu suất chung của quá trình dehidrat hoá etanol là

A. 55% B. 59% C. 70%. D. **60%**

Câu 141 : Khử nước 2 ancol đồng đẳng hơn kém nhau 2 nhóm - CH₂ ta thu được 2 anken ở thể khí. Vậy công thức phân tử của 2 ancol là

A. CH₃OH và C₃H₇OH B. C₃H₇OH và C₅H₁₁OH C. **C₂H₆O và C₄H₁₀O** D. C₂H₄O và C₄H₈O

Câu 142 : Cho các câu sau:

- Ancol là những chất hữu cơ trong phân tử có nhóm - OH liên kết trực tiếp với nguyên tử C của vòng benzen.
- Những chất hữu cơ trong phân tử có nhóm - OH liên kết với gốc hidrocarbon đều là ancol.
- Ancol là những chất hữu cơ trong phân tử có nhóm - OH liên kết trực tiếp với nguyên tử C no của gốc hidrocarbon.
- Ancol có đồng phân mạch C và đồng phân vị trí nhóm - OH trong mạch C.
- Ancol tác dụng với Na giải phóng hidro và tạo thành muối.
- Các ancol được phân loại theo số nhóm - OH và theo đặc điểm cấu tạo của gốc hidrocarbon

Những câu đúng là

A. e, f, a, b B. a, b, c, d. C. c, d, e, a~. D. **c, d, e, f.**

Câu 143 : Khi cho ancol tác dụng với kim loại kiềm thấy có khí H₂ bay ra~. Phản ứng này chứng minh

A. trong ancol có liên kết O-H bền vững. B. trong ancol có O.
C. trong ancol có OH linh động. D. **trong ancol có H linh động.**

Câu 144 : Đun hỗn hợp 2 ancol mạch hở với dung dịch H₂SO₄ đặc ở nhiệt độ 180⁰C thu được hỗn hợp 2 anken (olefin) kế tiếp nhau trong dãy đồng đẳng. Hỗn hợp 2 ancol đó là 2 ancol

A. gồm 1 ancol no đơn chức và 1 ancol không no 1 nối đôi đơn chức. C. **no đơn chức kế tiếp**
B. không no 1 liên kết đôi đơn chức liên tiếp. D. no đơn chức.

Câu 145 : Đun nóng một ancol no, đơn chức X với H₂SO₄ đặc thu được một chất Y. X có tỷ khối hơi so với Y lớn hơn 1. Y là

A. ete. B. **anken.** C. etan. D. metan.

Câu 146 : Đun nóng một ancol no, đơn chức X với H₂SO₄ đặc thu được một chất Y. X có tỷ khối hơi so với Y nhỏ hơn 1. Y là

A. **ete.** B. anken. C. metan. D. etan.

Câu 147 : Chia m gam ancol no đơn chức thành 2 phần bằng nhau

- Phần 1: cho tác dụng hết với Na thu được 2,24 lít H₂ (đktc).
- Phần 2: đem đốt cháy hoàn toàn thu được 4,48 lít CO₂ (đktc).

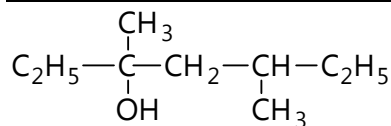
Công thức phân tử của ancol là

A. **CH₃OH.** B. C₃H₇OH. C. C₄H₉OH. D. C₂H₅OH.

Câu 148 : Phản ứng nào sau đây không xảy ra :

A. C₂H₅OH + HBr B. **C₂H₅OH + NaOH.** C. C₂H₅OH + Na D. C₂H₅OH + CuO

Câu 149 : Gọi tên ancol sau đây:



- A. 4-etyl-2,4-dietyl hexan-2-ol B. 5-etyl-3,5-dimetylheptan-3-ol
C. 2,4-dietyl-4-metylhexan-2-ol D. 3,5-dimetylheptan-3-ol.

Câu 150 : Chọn phát biểu đúng:

A. Nhiệt độ sôi của ancol etylic cao hơn ancol metylic và thấp hơn ancol propylic.

B. Để so sánh nhiệt độ sôi của các ancol ta phải dựa vào liên kết hydro.

C. Ancol metylic ở trạng thái khí.

D. Ancol dễ tan trong nước.

Câu 151 : Cu(OH)₂ tan trong glixerol là do:

A. Glixerol có tính axit.

B. Glixerol có H linh động.

C. Glixerol tạo phức với đồng (II) hidroxit.

D. Glixerol tạo được liên kết hydro.

Câu 152 : Đun nóng hỗn hợp 2 ancol no đơn chức với H₂SO₄ đặc ở 140°C thu được 21,6 gam H₂O và 72 gam hỗn hợp 3 ete. Biết 3 ete thu được có số mol bằng nhau và phản ứng xảy ra hoàn toàn, vậy công thức phân tử của 2 ancol trên là

A. C₃H₇OH và CH₃OH B. CH₃OH và C₂H₅OH

C. C₂H₅OH và C₃H₇OH

D. CH₃OH và C₄H₉OH.

Câu 153 : Đốt cháy hoàn toàn m gam hỗn hợp 3 ancol đơn chức, thuộc cùng dãy đồng đẳng, thu được 3,808 lít khí CO₂ (đktc) và 5,4 gam H₂O. Giá trị của m là

A. 4,72

B. 5,42

C. 7,42

D. 5,72

Câu 154 : Trộn 0,5mol C₂H₅OH và 0,7 mol C₃H₇OH. Sau đó dẫn qua H₂SO₄ đặc nóng. Tất cả ancol đều bị khử nước (không có ancol dư). Lượng anken sinh ra làm mất màu 1 mol Br₂ trong dung dịch. Các phản ứng xảy ra hoàn toàn. Số mol H₂O tạo thành trong sự khử nước trên là

A. 1mol

B. 1,1mol

C. 1,2mol

D. 0,6mol

Câu 155 : Một hợp chất hữu cơ A có chứa 10,34% hidro. Khi đốt cháy A thì chỉ thu được CO₂ và H₂O. Biết rằng V_{CO₂} = V_{H₂O} (hơi) và số mol O₂ cần dùng gấp 4 lần số mol A. Vậy công thức phân tử của A là

A. C₃H₆O

B. C₄H₈O.

C. C₂H₆O

D. C₄H₁₀O

Câu 156 : Khi đốt cháy hoàn toàn 1 mol ancol đa chức cần 3,5 mol O₂ thì công thức phân tử của ancol ấy là

A. CH₂OH-CH₂OH.

B. CH₂OH-CHOH-CH₂OH.

C. CH₃-CHOH-CH₂OH.

D. CH₂OH-CH₂-CH₂OH.

Câu 157 : Có 4 chất lỏng: Glixerol(1), phenol(2), benzen(3), ancol anlylic(4). Các thí nghiệm cho kết quả sau:

	A	B	C	D
dd Br ₂	Phản ứng	không	Phản ứng	không
NaOH	Phản ứng	không	không	không
Cu(OH) ₂	không	Phản ứng	không	không

Kết quả nào sau đây phù hợp ?

A. A(1); B(2); C(3); D(4).

B. A(2); B(3); C(1); D(4).

C. A(4); B(3); C(2); D(1).

D. A(2); B(1); C(4); D(3).

Câu 158 : Phát biểu nào sau đây sai :

A. Ancol có nhiệt độ sôi cao bất thường vì ancol có liên kết hydro với nước.

B. Phenol có tính axit là do ảnh hưởng của vòng benzen lên nhóm -OH .

C. Do ảnh hưởng qua lại giữa các nhóm -OH nên C₃H₅(OH)₃ tác dụng được với Cu(OH)₂.

D. Phenol và ancol thơm đều có chứa hidro linh động.

Câu 159 : Khi tách nước từ hỗn hợp CH₃OH và C₂H₅OH có xúc tác H₂SO₄ đặc ở t^o cao thu được số sản phẩm hữu cơ tối đa là

A. 4.

B. 3.

C. 2.

D. 1.

Câu 160 : Một ancol no Y mạch hở có số C bằng số nhóm chức. Biết 9,3g Y tác dụng với Na dư thu được 0,15 mol H₂ (đktc). Công thức cấu tạo của Y là

A. CH₃OH

B. C₃H₅(OH)₃.

C. C₂H₄(OH)₂.

D. C₄H₆(OH)₄.

Câu 161 : Đốt cháy 1 ancol no đơn chức X thu được 4,4g CO₂ và 2,16g nước. X không bị oxi hóa bởi CuO nung nóng. Công thức cấu tạo của X là

A. CH₃)₂C(OH)CH₂CH₃.

B. (CH₃)₃COH.

C. (CH₃)₂CH-CH₂-CH₂OH.

D. (CH₃)₂CH-CH₂OH.

Câu 162 : Glixerol tác dụng được với Cu(OH)₂ do:

A. có nhiều nhóm -OH.

B. có nhiều nhóm -OH gắn vào các nguyên tử C kề cận nhau.

C. glixerol là ancol đa chức.

D. glixerol ở trạng thái lỏng.

Câu 163 : Cho các chất: (1). CH₂OH-CH₂OH; (2). CH₂OH-CHOH-CH₂OH; (3). C₃H₇CHO; (4). CH₂OH-CH₂-CH₂OH; (5). CH₃-CH₂-O-CH₃; (6). C₆H₅OH. Chất nào tác dụng với Na và Cu(OH)₂ ?

A. 1,2,3,4.

B. 1,2,4,6.

C. 1,2,5.

D. 1,2.

Câu 164 : Thực hiện 2 thí nghiệm sau: Thí nghiệm 1 cho từ từ natri kim loại vào ancol etylic, thí nghiệm 2 cho từ từ natri kim loại vào nước thì:

A. Thí nghiệm 1 phản ứng xảy ra mãnh liệt hơn phản ứng 2.

B. Thí nghiệm 2 phản ứng xảy ra mãnh liệt hơn phản ứng 1.

C. Cả 2 thí nghiệm 1 và 2 đều xảy ra phản ứng như nhau.

D. Chỉ có thí nghiệm 1 xảy ra phản ứng, còn thí nghiệm 2 phản ứng không xảy ra

Câu 165 : Một ancol no, đơn chức, bậc 1 bị tách một phân tử nước tạo anken A~. Cứ 0,525 gam anken A tác dụng vừa đủ với 2g brom. Ancol này là

A. Butan-1-ol B. Pentan-1-ol C. Etanol **D. Propan-1-ol**

Câu 166 : X là một ancol no, đa chức, mạch hở có số nhóm -OH nhỏ hơn 5. Cứ 7,6 gam ancol X phản ứng hết với Na cho 2,24 lít khí (đo ở đktc). Công thức hoá học của X là

A. $C_4H_7(OH)_3$ B. $C_2H_4(OH)_2$ C. $C_3H_5(OH)_3$ **D. $C_3H_6(OH)_2$**

Câu 167 : Khi một ancol (X) phản ứng với Na, số mol hydro thu được bằng số mol ancol phản ứng thì (X) là ancol

A. đơn chức. B. đa chức. **C. hai chức.** D. ba chức.

Câu 168 : Đốt cháy hoàn toàn ancol no đơn chức mạch hở cần dùng V lít oxi (đktc), sau phản ứng thu được 19,8g CO_2 . Trị số của V là

A. 11,2. **B. 15,12.** C. 17,6. **D. 22,4.**

Câu 169 : Đốt cháy hoàn toàn a gam ancol no đơn chức mạch hở thu được 70,4g CO_2 và 39,6g H_2O . Giá trị của a là

A. 21,4. **B. 33,2.** C. 35,8. **D. 38,5.**

Câu 170 : Nung 132,8g hh ancol thu được 111,2g hh 6 ete có số mol bằng nhau. Số mol mỗi ete là

A. 0,2. B. 0,4. C. 0,8. **D. 1,2.**

Câu 171 : Đun 6,4g ancol trong H_2SO_4 ở $140^\circ C$ thu được 4,6g ete. CTPT của ancol là

A. CH_4O . **B. C_2H_6O .** C. C_3H_8O . **D. $C_4H_{10}O$**

Câu 172 : Cho m gam một ancol no, đơn chức X qua bình đựng CuO (dư), nung nóng. Sau khi phản ứng hoàn toàn, khối lượng chất rắn trong bình giảm 0,32 gam. Hỗn hợp hơi thu được có tỉ khối đối với hydro là 15,5. Giá trị của m là

A. 0,92. B. 0,32. C. 0,64. **D. 0,46.**

Câu 173 : Hidrat hóa 2 anken chỉ tạo thành 2 ancol. Hai anken đó là

A. 2-metylpropen và but-1-en. B. propen và but-2-en. **C. eten và but-2-en.** D. eten và but-1-en.

Câu 174 : Đốt cháy hoàn toàn một ancol X thu được CO_2 và H_2O có tỉ lệ số mol tương ứng là 3 : 4. Thể tích khí oxi cần dùng để đốt cháy X bằng 1,5 lần thể tích khí CO_2 thu được (ở cùng điều kiện). Công thức phân tử của X là

A. $C_3H_8O_3$. B. C_3H_4O . C. $C_3H_8O_2$. **D. C_3H_8O .**

Câu 175 : Có bao nhiêu ancol bậc 2, no, đơn chức, mạch hở là đồng phân cấu tạo của nhau mà phân tử của chúng có phần trăm khối lượng cacbon bằng 68,18%? A. 2. **B. 3.** C. 4. **D. 5.**

Câu 176 : Khi thực hiện phản ứng tách nước đối với ancol X, chỉ thu được một anken duy nhất. Oxi hoá hoàn toàn một lượng chất X thu được 5,6 lít CO_2 (ở đktc) và 5,4 gam nước. Có bao nhiêu công thức cấu tạo phù hợp với X ?

A. 5. **B. 4.** C. 3. **D. 2.**

Câu 177 : Khi phân tích thành phần một rượu ancol đơn chức X thì thu được kết quả: tổng khối lượng của cacbon và hydro gấp 3,625 lần khối lượng oxi. Số đồng phân ancol ứng với công thức phân tử của X là

A. 5. **B. 4.** C. 3. **D. 2.**

Câu 178 : Khi tách nước từ ancol 3-metylbutan-2-ol, sản phẩm chính thu được là

A. 3-metylbut-1-en **B. 2-metylbut-2-en** C. 3-metylbut-2-en **D. 2-metylbut-3-en**

Câu 179 : Đun nóng hỗn hợp gồm hai ancol đơn chức, mạch hở, kế tiếp nhau trong dãy đồng đẳng với H_2SO_4 đặc ở $140^\circ C$. Sau khi các phản ứng kết thúc, thu được 6 gam hỗn hợp gồm ba ete và 1,8 gam nước. Công thức phân tử của hai rượu trên là

A. CH_3OH và C_2H_5OH . B. C_2H_5OH và C_3H_7OH . C. C_3H_5OH và C_4H_7OH . **D. C_3H_7OH và C_4H_9OH .**

Câu 180 : Đun nóng một rượu đơn chức X với dung dịch H_2SO_4 đặc trong điều kiện nhiệt độ thích hợp sinh ra chất hữu cơ Y, tỉ khối hơi của X so với Y là 1,6428. Công thức phân tử của Y là

A. C_3H_8O . **B. C_2H_6O .** C. CH_4O . **D. C_4H_8O .**

Câu 181 (ĐH khối A – 2007) : Cho 15,6g hỗn hợp 2 ancol đơn chức, kế tiếp nhau trong dãy đồng đẳng tác dụng hết với 9,2 gam Na, thu được 24,5g chất rắn. Hai ancol đó là:

A. C_3H_5OH và C_4H_7OH **B. C_2H_5OH và C_3H_7OH**
C. C_3H_7OH và C_4H_9OH **D. CH_3OH và C_2H_5OH .**

Câu 182 : Cho 7,8 gam hỗn hợp 2 ancol đơn chức kế tiếp nhau trong dãy đồng đẳng tác dụng hết với 4,6 gam Na được 12,25 gam chất rắn. Đó là 2 ancol

A. C_3H_5OH và C_4H_7OH **B. C_2H_5OH và C_3H_7OH**
C. C_3H_7OH và C_4H_9OH **D. CH_3OH và C_2H_5OH .**

Câu 183 : Đốt cháy hoàn toàn một ancol đa chức, mạch hở X, thu được H_2O và CO_2 với tỉ lệ số mol tương ứng là 3:2. Công thức phân tử của X là **A. $C_2H_6O_2$.** B. C_2H_6O . C. $C_3H_8O_2$. **D. $C_4H_{10}O_2$.**

Câu 184 : Cho hỗn hợp X gồm hai ancol đa chức, mạch hở, thuộc cùng dãy đồng đẳng. Đốt cháy hoàn toàn hỗn hợp X, thu được CO_2 và H_2O có tỉ lệ mol tương ứng là 3 : 4. Hai ancol đó là

A. $C_3H_5(OH)_3$; $C_4H_7(OH)_3$. **B. C_2H_5OH ; C_4H_9OH .**
C. $C_2H_4(OH)_2$; $C_4H_8(OH)_2$. **D. $C_2H_4(OH)_2$; $C_3H_6(OH)_2$**

Câu 185 : Khi đốt cháy hoàn toàn m gam hỗn hợp hai ancol no, đơn chức, mạch hở thu được V lít khí CO_2 (ở đktc) và a gam H_2O . Biểu thức liên hệ giữa m, a và V là

$$\text{A. } m = 2a - \frac{V}{22,4}.$$

$$\text{B. } m = 2a - \frac{V}{11,2}.$$

$$\text{C. } a + \frac{V}{5,6}.$$

$$\text{D. } a - \frac{V}{5,6}.$$

Câu 186 : Đun nóng hỗn hợp hai ancol đơn chức, mạch hở với H_2SO_4 đặc, thu được hỗn hợp gồm các ete. Lấy 7,2 gam một trong các ete đó đem đốt cháy hoàn toàn, thu được 8,96 lít khí CO_2 (ở đktc) và 7,2 gam H_2O . Hai ancol đó là

A. $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$ và $\text{CH}_2=\text{CH}-\text{CH}_2-\text{OH}$.

B. $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$ và CH_3OH .

C. CH_3OH và $\text{C}_3\text{H}_7\text{OH}$.

D. CH_3OH và $\text{CH}_2=\text{CH}-\text{CH}_2-\text{OH}$.

Câu 187 : X là một ancol no, mạch hở. Đốt cháy hoàn toàn 0,05 mol X cần 5,6 gam oxi, thu được hơi nước và 6,6 gam CO_2 . Công thức của X là

A. $\text{C}_2\text{H}_4(\text{OH})_2$.

B. $\text{C}_3\text{H}_7\text{OH}$.

C. $\text{C}_3\text{H}_5(\text{OH})_3$.

D. $\text{C}_3\text{H}_6(\text{OH})_2$.